

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01 / 11 / 2018
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1977; địa chỉ: số 354, tổ 3, khóm Xuân Phú, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông La Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 10, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Nh có mặt, ông T vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Nh trình bày: Bà và ông T kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/HT, quyền số 01 ngày 02/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên chồng tại phường Vĩnh Mỹ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sinh được 01 con chung tên La Thị Trúc L (sinh ngày 11/4/2011), về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T thường xuyên cò

bạc (chơi game bắn cá) và thiếu nợ. Bà đã trả nợ cho ông T và có khuyên ông T không chơi game bắn cá nữa nhưng ông T không từ bỏ, nên ngày 17/4/2017 bà bỏ về cha mẹ ruột bà tại khóm Xuân Phú, thị trấn Tịnh Biên sinh sống. Ngày 23/5/2017 ông T đến nhà mẹ ruột đánh, đồ xăng vào đầu và đốt bà nên bà bị bỏng nặng phải lên bệnh viện Chợ Rẫy cấp cứu, theo đó ông T bị khởi tố vụ án hình sự, bị phạt tù và đang chấp hành án tại trại giam Định Thành – Bộ Công an.

Hiện tại vết thương của bà chưa được lành lặn, tình cảm của bà đối với ông T không còn nên bà ly hôn.

Về con chung hiện nay bà đang nuôi dạy, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản ghi lời khai tại Trại giam Định Thành, bị đơn ông La Văn T trình bày: Ông và bà Nh tự tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng không sống cố định một nơi mà sinh sống qua lại gia đình cha mẹ hai bên. Vợ chồng sinh được 01 con chung tên La Thị Trúc L sinh năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do ông tập tụ bạn bè cờ bạc. Ông xác định ngày 23/5/2017 ông có đồ xăng đốt bà Nh nên Tòa án huyện Tịnh Biên xử phạt 06 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Ông chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh, giao con chung cho bà Nh nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Bà Lê Thị Nh và Ông La Văn T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Bà Nh cho biết vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hiện nay không còn sống chung từ năm 2017. Ngày 23/5/2017 ông T dùng xăng đốt bà Nh gây thương tích. Ông T đồng ý ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy việc bà Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình,

Về con chung: Bà Nh hiện đang nuôi dạy con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung tên La Thị Trúc L sinh ngày 11/4/2011 không yêu cầu cấp dưỡng, và cháu có nguyện vọng sống chung bà Nh. Ông T đồng ý giao cháu L cho bà Nh nuôi dưỡng. Công nhận thỏa thuận đương sự.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T (cư trú tổ 10, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] *Về hôn nhân*: Bà Nh và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Vĩnh Mỹ, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà Nh xin ly hôn ông T, nguyên nhân do ông T cờ bạc và sau đó có hành vi dùng xăng đốt bà gây thương tích và hiện tại các vết bỏng vẫn chưa lành gây đau nhứt. Ông T có lời khai xác định trước đây có cờ bạc và có hành vi dùng xăng đốt bà Nh, ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nh.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, do ông T lại thường xuyên cờ bạc, được can ngăn thì không từ bỏ mà còn có hành vi dùng xăng đốt vợ gây thương tích nặng. Như vậy cho thấy hôn nhân giữa bà Nh, ông T khó hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh.

[4] *Về nuôi con chung*: Bà Nh và ông T có 01 con chung tên La Thị Trúc L, sinh ngày 11/4/2011, bà Nh yêu cầu được nuôi dạy cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông T cũng đồng ý cho bà Nh nuôi con chung. Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu L thì cháu có nguyện vọng chung sống cùng với mẹ vì cháu đã sống chung với mẹ từ nhỏ. Xét yêu cầu của bà Nh được ông T chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của cháu L, xét chấp nhận.

Bà Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, bà Nh không phải nộp thêm án phí.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Nh ly hôn ông La Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Nh được nuôi con chung La Thị Trúc L, sinh ngày 11/4/2011; ông La Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0007427 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà Nh đã nộp đủ án phí.

Ông La Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nh có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc

